

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP PAL  
ACADEMY**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP PAL ACADEMY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PAL ACADEMY ENTERPRISE DEVELOPMENT TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110244619

**3. Ngày thành lập:** 09/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, số 91 đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969.919.555

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                            | 8230        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>(Trừ hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể và hoạt động dạy về tôn giáo) | 8559(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.                                                                                             | 6201 |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                             | 6202 |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. | 6209 |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                       | 6311 |
| 9.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>(trừ các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                | 6399 |
| 10. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                              | 6619 |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                      | 6810 |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản                                                                                                                                  | 6820 |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                            | 7020 |
| 14. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                          | 7320 |
| 16. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                       | 7420 |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 18. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                           | 1811 |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ dập khuôn tem)                                                                          | 1812 |
| 20. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                | 1820 |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                   | 5210 |
| 22. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                       | 5820 |
| 23. | Hoạt động hậu kỳ<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                              | 5912 |
| 24. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ chương trình truyền hình; trừ báo chí) | 5913 |
| 25. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)                                             | 5920 |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(có nội dung được phép lưu hành)             | 4761 |
| 27. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng)<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                            | 4762 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG VĂN<br>THẮNG   | Số nhà 305, Thôn<br>Mỹ Cầu, Xã Tân<br>Mỹ, Thành phố<br>Bắc Giang, Tỉnh<br>Bắc Giang, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 47.500        | 475.000.000              | 23,750       | 0240940004<br>03                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Tổng số                            | 47.500        | 475.000.000              | 23,750       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>TRƯỜNG SƠN | P2219 CT6A<br>Chung cư Bemes,<br>Phường Kiến<br>Hưng, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 51.500        | 515.000.000              | 25,750       | 0170930013<br>69                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      | Tổng số                            | 51.500        | 515.000.000              | 25,750       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ANH ĐỨC | Khu 11, Thị trấn Chi Nê, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông         | 53.500 | 535.000.000 | 26,750 | 113563527    |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Tổng số                   | 53.500 | 535.000.000 | 26,750 |              |
|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |
| 4 | VŨ TIẾN ĐẠT    | Lô 06 Chung cư TNT Đông Phát, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 47.500 | 475.000.000 | 23,750 | 038095000579 |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                             | Tổng số                   | 47.500 | 475.000.000 | 23,750 |              |
|   |                |                                                                                             |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113563527

Ngày cấp: 13/12/2016

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Khu 11, Thị Trấn Chi Nê, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 11, Thị Trấn Chi Nê, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội